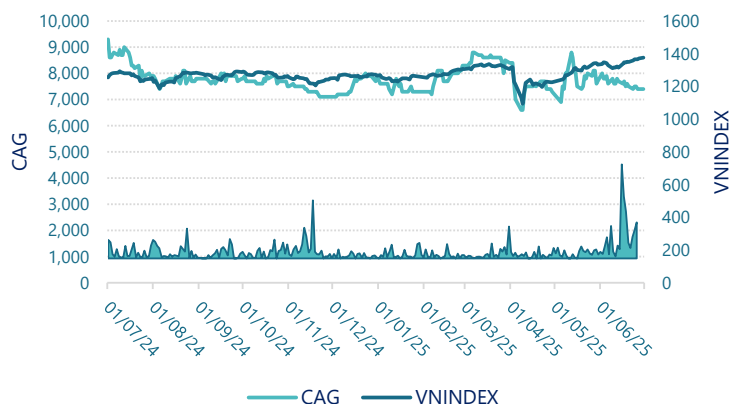


CTCP Cảng An Giang (HNX: CAG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	13,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,890
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	102
P/E	-84.2
EPS	-88

DT thuần

Q2/25

14.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.73 | 69.7%

YoY: ▲ 3.70 | 36.3%

LN sau thuế

Q2/25

1.71

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.43 | 199%

YoY: ▼ 0.42 | -19.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.4%

+/- YoY: ▼ 8.1%

DT thuần

6T 2025

22.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.90 | 14.9%

LN sau thuế

6T 2025

-0.01

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.55 | -101%

ROE

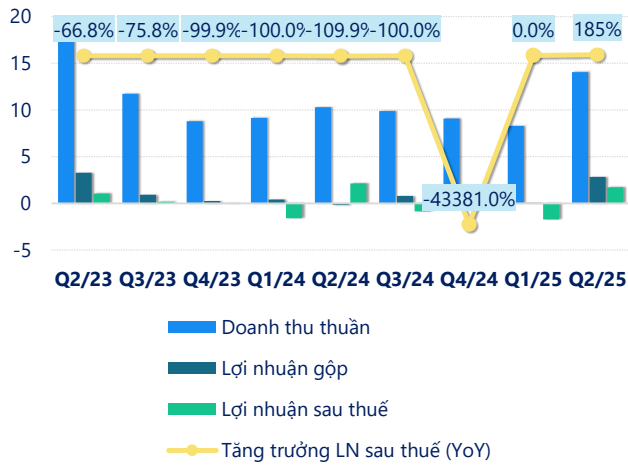
Q2/25

-0.8%

+/- YoY: ▼ 1.3%

tỷ VNĐ

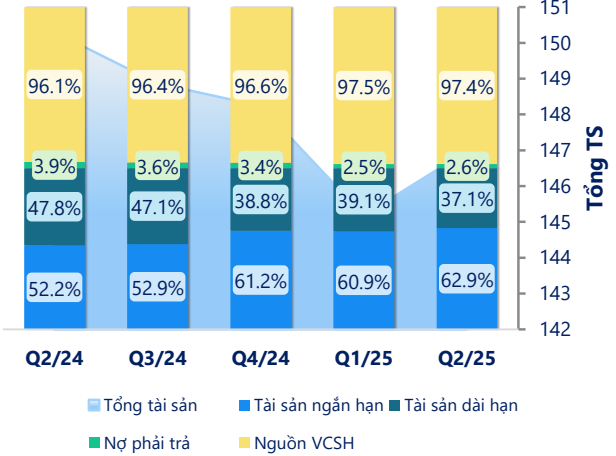
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

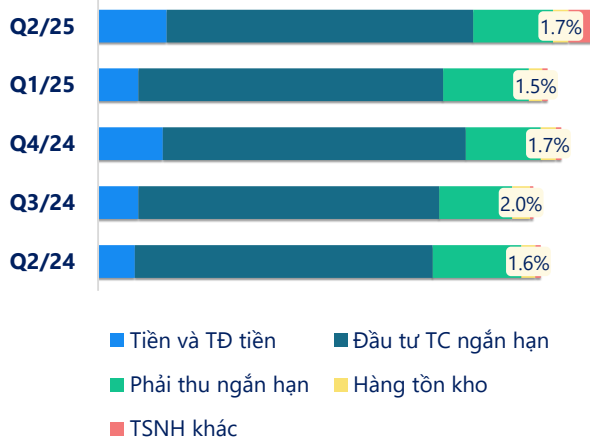
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



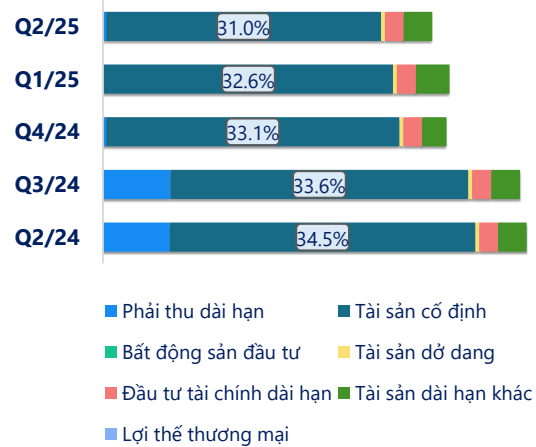
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

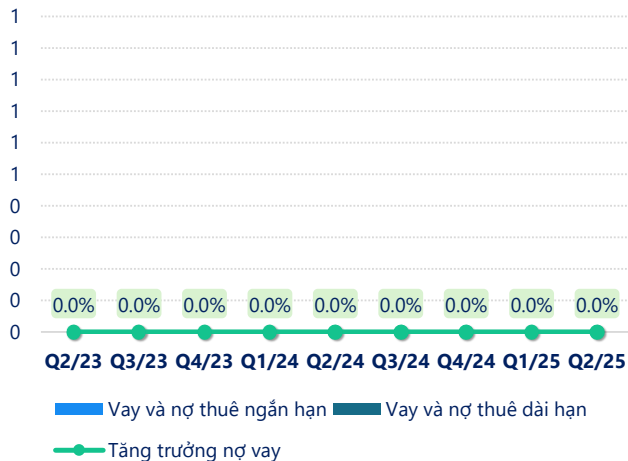
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

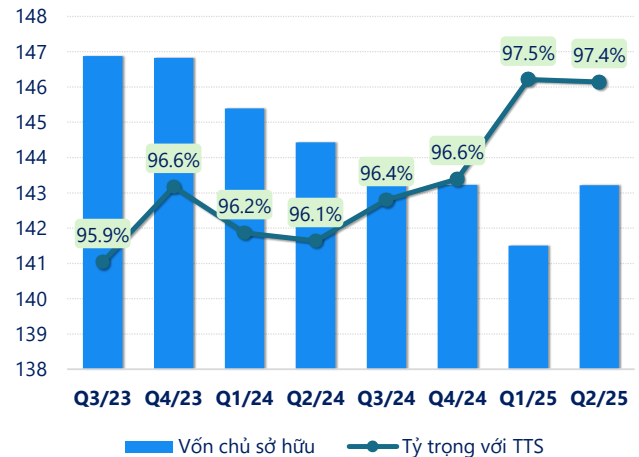
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

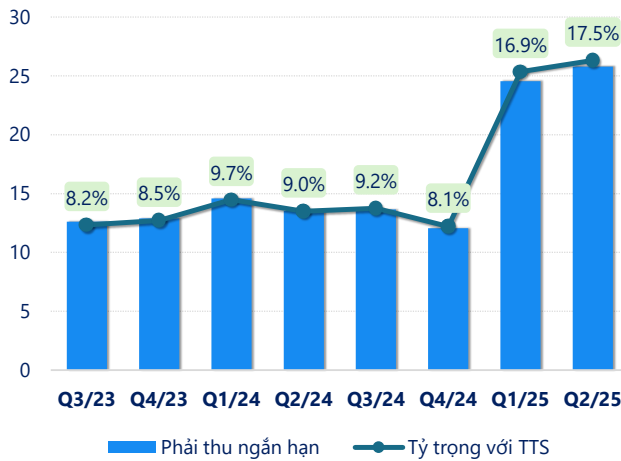
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



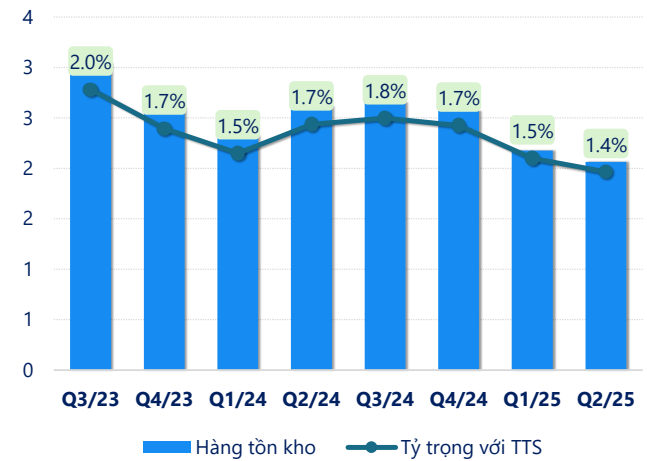
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


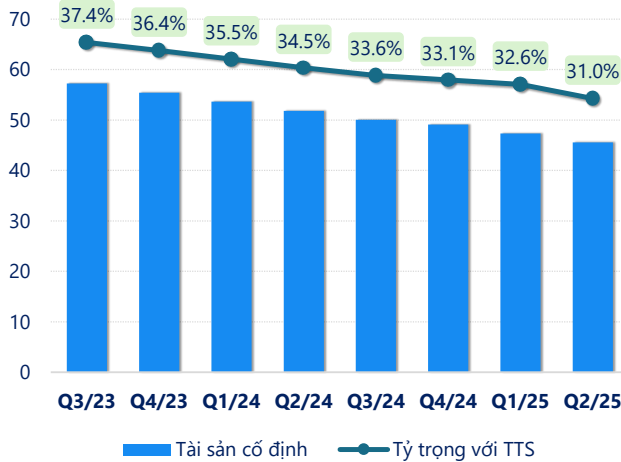
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


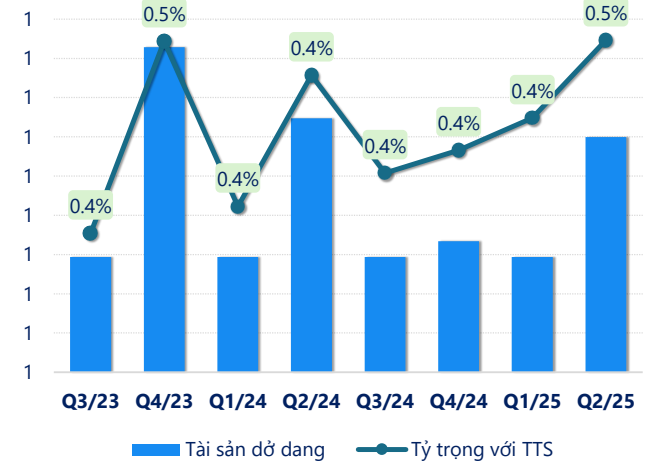
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

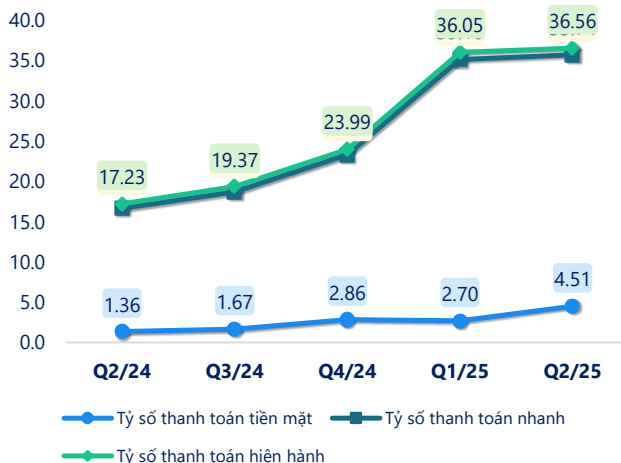
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	150	149	148	145	147
Tài sản ngắn hạn	78.5	78.8	90.7	88.4	92.4
Tiền và tương đương tiền	6.21	6.79	10.8	6.62	11.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	52.0	52.0	52.0	50.0
Phải thu ngắn hạn	13.5	13.7	12.1	24.5	25.8
Hàng tồn kho	2.62	2.66	2.57	2.18	2.06
Tài sản ngắn hạn khác	4.12	3.71	13.3	3.07	3.15
Tài sản dài hạn	71.8	70.1	57.5	56.8	54.6
Phải thu dài hạn	11.3	11.3	0.53	0.17	0.53
Tài sản cố định	51.8	50.1	49.1	47.3	45.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.67	0.64	0.64	0.64	0.67
Đầu tư tài chính dài hạn	3.17	3.17	3.12	3.12	3.12
Tài sản dài hạn khác	4.81	4.86	4.11	5.52	4.69
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5.87	5.30	5.01	3.68	3.76
Nợ ngắn hạn	4.55	4.07	3.78	2.45	2.53
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.46	0.80	0.21	0.53	0.43
Nợ dài hạn	1.32	1.23	1.23	1.23	1.23
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	144	144	143	142	143
Vốn chủ sở hữu	144	144	143	142	143
Vốn điều lệ	138	138	138	138	138
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)